TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2023/DS-PT
Ngày 13 – 4 – 2023
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Dương Hùng Quang

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc: Tranh chấp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 298/2022/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1952 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 11, đường R, khóm 1, phường 8, thành phố C, tỉnh C .

- *Bị đơn:*

1. Bà Lương Thị H, sinh năm 1979 (Có mặt);

2. Ông Lê Trường P1, sinh năm 1977 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Thu Ph, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

2. Chị Trần Thị Lan N, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Số 11, đường R, khóm 1, phường 8, thành phố C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Ông Lê Trường P1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Ông có tham gia dây hụi do bà H làm chủ hụi; hụi mở ngày 24/02/2020 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, dây hụi gồm 18 chưng, một tháng khui một lần. Ông tham gia 03 chưng, ở vị trí tên "chú chín". Kỳ mở hụi thứ 13 (ngày 24/01/2021 âm lịch) ông bỏ hụi 700.000 đồng hốt được 47.500.000 đồng, trừ tiền cò 1.500.000 đồng còn lại 46.000.000 đồng. Do bà H không có tiền giao đủ, chỉ đưa cho ông 28.000.000 đồng và nợ lại ông 18.000.000 đồng. Đến ngày 24/02/2021 al bà H đình hụi. Như vậy, chưng hụi ông hốt còn 5 kỳ hụi chết bằng 15.000.000 đồng, đối trừ số tiền hụi bà H còn nợ chưa giao cho ông 18.000.000 đồng, bà H còn nợ ông 3.000.000 đồng.

Đối với hai chưng hụi sống còn lại, ông D đóng được 12 kỳ của mỗi chưng, tổng số tiền thực đóng là 52.400.000 đồng. Như vậy bà H còn nợ ông tổng số tiền của ba chưng hụi 55.400.000 đồng; bà H đã trả được 9.400.000 đồng, còn nợ 46.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà H, ông P1 phải có trách nhiệm trả cho ông tiền hụi còn nợ là 46.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng từ ngày đình hụi 24/02/2021 âm lịch đến khi xét xử sơ thẩm.

- Theo bà Lương Thị H trình bày:

Bà có mở dây hụi như ông D trình bày là đúng, bà còn nợ ông D 02 chưng hụi sống ông D thực đóng là 52.400.000 đồng, bà đã trả cho ông D 9.400.000 đồng. Đối với chưng hụi ông D hốt, ông D còn nợ lại bà 3.000.000 đồng, chứ không phải bà nợ ông D 3.000.000 đồng như ông D trình bày, bà chỉ còn nợ ông D 40.000.000 đồng và đồng ý trả và yêu cầu xin lãi.

- Theo ông Lê Trường P1 trình bày:

Việc bà H mở hụi và các hụi viên tham gia hụi do bà H mở ông không biết, đây là nợ riêng của bà H, ông không có trách nhiệm trả khoảng nợ này. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông D ông không đồng ý.

- Theo chị Trần Thị Lan N trình bày:

Dây hụi mở ngày 24/02/2020 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, có 18 chưng. Trong dây hụi này chị không có tham gia thỏa thuận chơi hụi với bà H, danh sách hụi không có tên chị, cha chị là ông D là người trực tiếp tham gia giao dịch hụi với bà H, việc bà H cho rằng chị có tham gia giao dịch hụi với bà H là không đúng. Do đó, trong vụ án cha chị là ông D khởi kiện bà H đòi tiền hụi chị không có liên quan gì.

Trường hợp Tòa án đưa chị tham giam tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt chị, không yêu cầu hòa giải lại và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị.

- Theo chị Nguyễn Thị Thu Ph trình bày:

Dây hụi mở ngày 24/02/2020 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, có 18 chưng. Trong dây hụi này chị có gửi tiền cho ông D là cha ruột của chị để tham gia hai chưng hụi, ông D tham gia một chưng, theo danh sách hụi ghi tên: "Chú chín",

hai chưng hụi của chị nhờ ông D tham gia hụi chưa hốt, ông D là người trực tiếp tham gia giao dịch hụi với bà H, việc ông D đứng tên khởi kiện chị không có ý kiến gì, đối với việc chị gửi tiền cho ông D và nhờ ông D tham gia chơi hụi của bà H dùm chị, chị không có tranh chấp, trường hợp sau này giữa chị và ông D có tranh chấp thì hai bên sẽ tự giải quyết.

Trường hợp Tòa án đưa chị tham giam tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt chị, không yêu cầu hòa giải lại và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 298/2022/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D. Buộc bà Lương Thị H và ông Lê Trường P1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh D số tiền 60.966.560 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/12/2022, ông Lê Trường P1 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D đối với ông, ông không có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Trường P1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Ông P1 phát biểu: Việc bà H mở hụi ông không biết, không liên quan, nên không có trách nhiệm cùng với bà H để trả nợ.

Ông D phát biểu: Ông P1 biết việc bà H mở hụi, ông P1 có đi gom tiền hụi. Bà H có hứa trong một năm sẽ bán đất trả nợ nhưng không trả còn thách thức ông đi thưa.

Bà H phát biểu: Bà không có hứa trong một năm bán đất trả nợ cho ông D và cũng không có thách thức ông D đi thưa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Trường P1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Thanh D khởi kiện yêu cầu bà Lương Thị H và ông Lê Trường P1 trả số tiền hụi còn nợ 46.000.000 đồng và tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày đình hụi 24/02/2021al (nhằm ngày 05/4/2021dl) đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà H xác định chỉ nợ ông D số tiền 40.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông D, không đồng ý trả lãi. Ông P1 xác định việc bà H nợ tiền hụi ông D là nợ

riêng của bà H, ông không liên quan nên không có trách nhiệm trả nợ cho ông D. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc bà H và ông P1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông D số tiền nợ gốc và lãi là 60.966.560 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà H không kháng cáo; ông P1 có đơn kháng cáo không đồng ý có trách nhiệm liên đới với bà H trả nợ cho ông D. Xét kháng cáo của ông Lê Trường P1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Ông P1 và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông P1 và bà H chung sống với nhau có 02 con chung và có tạo lập tài sản chung. Thời điểm bà H mở hụi và làm chủ hụi đến khi đình hụi, ông P1 và bà H vẫn còn chung sống với nhau và cùng sống chung trong một nhà, nên việc bà H mở hụi, làm chủ hụi trong thời gian dài mà ông P1 cho rằng không biết là không có cơ sở.

[3] Tại đơn kháng của ông P1 cho rằng ông P1 và bà H chỉ mới kết hôn vào ngày 27/4/2022 và mới chính thức là vợ chồng kể từ ngày 27/4/2022 theo quy định của pháp luật; nhưng ông P1 và bà H đã ly hôn, hiện không còn là vợ chồng. Tại thời điểm bà H mở hụi thì ông P1 và bà H không phải là vợ chồng, để khước từ trách nhiệm liên đới cùng với bà H trả nợ cho ông D là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên toà, ông P1 cũng trình bày: Do việc nợ của bà H, ông không muốn liên quan nên ông P1 đi đăng ký kết hôn để làm thủ tục ly hôn với bà H. Như vậy, có căn cứ chứng minh trước đó ông P1 cũng biết việc nợ của bà H, mục đích ông P1 ly hôn với bà H là để tránh trách nhiệm cùng với bà H trả nợ.

[5] Mặc dù khoản nợ tiền hụi của ông D phát sinh trước khi ông P1 và bà H có đăng ký kết hôn, nhưng trong thời gian bà H và ông P1 vẫn còn chung sống như vợ chồng, nên được xác định là nợ chung của bà H và ông P1. Do đó án sơ thẩm buộc bà H và ông P1 có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông D là có căn cứ.

[6] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Lê Trường P1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Trường P1 phải chịu theo quy định.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Trường P1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 298/2022/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D.

Buộc bà Lương Thị H và ông Lê Trường P1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh D số tiền 60.966.560 đồng.

Kể từ ngày ông D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà H và ông P1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị H và ông Lê Trường P1 phải chịu số tiền 3.048.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Trường P1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 22/12/2022 ông P1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005961 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;*
- *Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập